

Bản án số: 61/2024/DS-PT

Ngày: 05-12-2024

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Văn Nghĩa
- Ông Dương Viết Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLPT-TCDS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXPT-DS, ngày 06/11/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Thanh P, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ F, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Anh P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ, có mặt.

- **Bị đơn có yêu cầu phản tố:** Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1994, chị Trương Thị L, sinh năm: 1996; địa chỉ: Nhà số A, đường N, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh T có mặt, chị L có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Trương Tiến D, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số A, đường N, xã Q, thành phố Đ; tỉnh Quảng Bình. Anh Dũng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 44/2024/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ bà con, nên cuối năm 2020 anh T nói với vợ chồng anh P, mình là người đứng đầu Công ty chuyên về đầu tư chứng khoán, ngoại hối thu nhập cao. Anh T đề nghị anh P chuyển tiền cho anh T mượn để đầu tư và hàng tháng sinh lời anh T sẽ chuyển cho anh P số tiền nhiều hơn tiền lãi nếu phải gửi ngân hàng. Vì tin tưởng là chỗ anh em gia đình nên anh P vay ở ngân hàng V – phòng G, thành phố Đà Nẵng để chuyển vào tài khoản số: 0311000699778 mở tại Ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh Quảng Bình của anh Đinh Xuân T số tiền: 400.000.000 đồng vào ngày 22/01/2021, vì vay ngân hàng nên khi giải ngân, ngân hàng yêu cầu phải ghi nội dung chuyển tiền nên anh đã ghi “Thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng mua bán số 01/HĐMB”. Tiếp đến ngày 01/02/2021, anh P chuyển tiếp vào tài khoản số: 0311000699778 mở tại Ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh Q số tiền 1.200.000.000 đồng. Anh T, chị L hứa hẹn trong vòng 02 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho anh P. Nhưng từ đó đến nay, anh T chị L không trả. Việc vay, mượn tiền, vì là anh em nên không có viết giấy tờ gì mà chỉ thực hiện qua việc chuyển khoản vào tài khoản của anh T số: 0311000699778 mở tại Ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh Q. Bản thân anh P đã yêu cầu vợ chồng anh T, chị L trả lại số tiền đã mượn nhưng anh T, chị L sau đó chỉ chuyển lại cho anh P số tiền 200.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh T, chị L có đơn phản tố yêu cầu anh P trả 200.000.000 đồng là không đúng vì đây là số tiền anh T, chị L chuyển trả cho anh. Do đó, anh đồng ý trừ số tiền 200.000.000 đồng anh T, chị L đã trả (số tiền mà anh T chị L có yêu cầu phản tố) nên anh rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu anh T, chị L trả số tiền còn lại cho anh với số tiền là: 1.400.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh T trình bày:*

Vào khoảng cuối năm 2020, đầu năm 2021 giữa anh và anh P có thực hiện một số giao dịch về tiền bạc với nhau. Cụ thể: Khoảng thời gian năm 2020, công việc làm ăn của anh tốt và có lợi nhuận cao nên anh Trương Thanh P bắt đầu tìm hiểu về công việc đầu tư thông qua lời giới thiệu của anh Trương Tiến D (anh con bác trong nhà vợ anh T). Trong khoảng thời gian cuối năm 2020 anh Trương Thanh P tìm hiểu về công việc và tham khảo những nhà đầu tư đã đầu tư trước, anh P cũng nhiều lần gọi cho anh T để hỏi về kênh đầu tư Vastriumph. Cá nhân anh T và anh Trương Tiến D cũng chia sẻ những gì đã đầu tư đã được nhận lợi nhuận mà công ty chi trả. Nhưng nhiều lần anh nói với anh P là việc đầu tư có lợi nhuận cao nhưng sẽ đính kèm với rủi ro cao, nếu anh đầu tư thì phải tự chịu chấp nhận rủi ro, anh không đủ khả năng để cam kết hay bảo lãnh cho anh P. Sau 2 đến 3 tháng anh P gọi điện để nhờ anh T hướng dẫn anh đầu tư vào công ty V2. Trong thời gian đầu năm 2020 anh đã tham gia đầu tư vào công ty V2 nên cũng biết cách lập tài khoản để đầu tư và đã đồng ý hướng dẫn và hỗ trợ anh P. Vào ngày 14/01/2020 anh P gọi điện và nhờ mua một lượng USDT (tiền điện tử) để đầu tư vào công ty V2, anh đã làm hộ anh P. Sau đó anh P đầu tư 4.000\$ và đã nhận lợi nhuận chu kỳ đầu tiên theo quy định của công ty. Anh P thấy công ty làm ăn tốt

nên tiếp tục đầu tư thêm. Trong quá trình đó anh [P](#) có ra Quảng Bình để gặp trực tiếp, hỏi kỹ hơn về chính sách của công ty, anh cũng khuyên anh [P](#) với lợi nhuận cao như vậy thì rủi ro sẽ rất lớn nên anh tự tính toán cân đối vào kinh tế của mình để đầu tư, nói với anh [P](#) anh không thể cam kết hay bảo lãnh cho anh [P](#) được nên anh làm thì lợi nhuận anh hưởng, nếu rủi ro anh phải chịu, vì liên quan đến gia đình nội ngoại nên đã nói rất rõ ràng. Sau đó anh [P](#) về Đà Nẵng và quyết định đầu tư thêm vào công ty, lần này anh cũng gọi cho anh để nhờ lập tài khoản và mua USDT để nạp vào [công ty V2](#). Vào ngày 01/02/2021 anh [P](#) chuyển vào tài khoản của anh 1.200.000.000 đồng để mua USDT và gom đủ 50.000 USD để đầu tư vào [công ty V2](#). Anh đã hỗ trợ và làm giúp cho anh [Trương Thanh P](#). Sau chu kỳ 14 ngày của công ty quy định, anh [P](#) đã rút lợi nhuận về. Tuy nhiên, trong quá trình đầu tư chưa lâu thì [công ty V2](#) giao dịch gặp rủi ro và [công ty P1](#), mất chi trả cho nhà đầu tư. Theo anh biết không phải một mình anh [P](#), anh mà rất nhiều nhà đầu tư mất tiền tại [công ty V2](#). Tất cả nội dung anh trình bày trên là toàn bộ sự việc liên quan đến số tiền mà anh [P](#) chuyển cho anh, anh chỉ giao dịch hỗ trợ mua bán USDT cho anh [P](#) để đầu tư vào [công ty V2](#) chứ anh không vay mượn hay nhận tiền của anh [P](#) để trả lợi nhuận cho anh [P](#) hàng tháng. Những vấn đề của anh [P](#) nêu trong đơn kiện là hoàn toàn sai sự thật. Trong quá trình đầu tư vào [công ty V2](#) xảy ra rủi ro là điều không ai mong muốn. Việc anh [P](#) đầu tư vào công ty hưởng lợi nhuận cao là hoàn toàn tự nguyện. Giữa anh và anh [P](#) không có bất cứ một giấy tờ nào liên quan tới việc vay tiền anh [P](#). Quá trình công việc rủi ro, anh [Trương Thanh P](#) có gọi điện vay 200.000.000 đồng của anh vào ngày 21/06/2021 để xây nhà, nhiều lần anh gọi điện cho anh [P](#) để đòi lại tiền nhưng anh [P](#) trình bày khó khăn và chưa trả lại. Nguyên vọng của anh là đề nghị Tòa án giải quyết sớm vụ việc vì anh không vay nợ hay cầm tiền của anh [P](#) để trả lợi nhuận cho anh [P](#) như trong đơn anh [P](#) viết. Công việc của anh di chuyển, đi lại nhiều nên rất mong Tòa án giải quyết sớm để hạn chế chi phí phát sinh về kinh tế.

Chị [L](#) trình bày: Chị cho rằng công việc làm ăn giữa anh [Trương Thanh P](#) và chồng chị anh [Đinh Xuân T](#), chị hoàn toàn không biết gì. Chỉ sau này việc anh [T](#) chuyển khoản 200.000.000 đồng cho anh [P](#) với lý do anh [P](#) mượn anh chị 200.000.000 đồng để làm nhà, thì lúc đó chị mới biết.

* *Yêu cầu phản tố của bị đơn:* Trong đơn và tại phiên tòa anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) đề nghị Tòa án buộc anh [Trương Thanh P](#) trả cho vợ chồng anh chị số tiền đã mượn là 200.000.000 đồng vào ngày 21/6/2021, không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của anh chị.

* *Người làm chứng anh [Trương Tiến D](#) trình bày:* Anh có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đến làm chứng trong vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông [Trương Thanh P](#) và bị đơn ông [Đinh Xuân T](#). Việc ông [P](#) cho ông [T](#) mượn tiền và chuyển tiền như thế nào thì anh không biết. Nay do bận công việc thường xuyên, nên anh đề nghị Tòa án không triệu tập anh vì anh không biết cũng không liên quan gì đến việc tranh chấp nói trên.

Tại bản án sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166; Điều 117, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 121; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh [Trương Thanh P](#) về việc yêu cầu anh [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#) trả lại số tiền đã mượn là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Trương Thanh P](#) đối với anh [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#).

Buộc anh [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#) phải có trách nhiệm trả nợ cho anh [Trương Thanh P](#) số tiền gốc tính đến ngày 19/9/2024 là: 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn*).

3. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#) đối với anh [Trương Thanh P](#). Buộc anh [Trương Thanh P](#) phải có trách nhiệm khấu trừ trả cho cho [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#) số tiền gốc tính đến ngày 19/9/2024 là: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*).

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc nguyên đơn phải chịu 10.000.000 đồng án phí sơ thẩm do phản tố của bị đơn được chấp nhận. Buộc bị đơn phải chịu 54.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch, tuyên quyền lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn anh [Trương Thanh P](#) có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) phải trả cho anh số tiền 1.400.000.000 đồng;

Ngày 30/9/2024 anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của anh [Trương Thanh P](#).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên việc kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì, đồng thời giữ nguyên quan điểm như ở cấp sơ thẩm.

* Đại diện VKSND tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn anh [Trương Thanh P](#) và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (vợ chồng anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#)) giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh [T](#), chị [L](#) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 19 tháng 9 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS - ST.

Ngày 03 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn anh [Trương Thanh P](#) có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) phải trả cho anh số tiền 1.400.000.000 đồng; ngày 30/9/2024 anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của anh [Trương Thanh P](#). Kháng cáo của các đương sự đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc vợ chồng [Đinh Xuân T](#), [Trương Thị L](#) trả lại số tiền gốc đã mượn 1.600.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện (Đối với số tiền 200.000.000 đồng do bị đơn có yêu cầu phản tố). Tại cấp phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn trình bày: Do tại cấp sơ thẩm phía bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền 200.000.000 đồng đã chuyển cho nguyên đơn, nên nguyên đơn rút một phần khởi kiện là 200.000.000 đồng, tức là đối trừ vào số tiền mà bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn. Tại cấp sơ thẩm không đánh giá kỹ về việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn nên không đối trừ vào số tiền phản tố của bị đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã định chỉ đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần đưa số tiền 200.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn vào xem xét để đối trừ trong tổng số tiền 1.600.000.000 đồng mới phù hợp;

Đối với yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền còn lại là 1.400.000.000 đồng: Anh [T](#) thừa nhận việc anh [P](#) chuyển tiền cho anh số tiền 1.600.000.000 đồng là đúng thực tế, anh cho rằng việc anh [P](#) chuyển tiền là để nhờ anh [T](#) lập tài khoản và mua USDT (tiền điện tử) để nạp vào [công ty V2](#). Thời gian đầu có lợi nhuận vợ chồng anh [P](#) đã rút về nhưng sau đó công ty đã phá sản mất chi trả cho các nhà đầu tư, sau đó anh [T](#) đã chuyển cho anh [P](#) 200.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh [T](#) không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc này. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn (vợ chồng anh [T](#) chị [L](#)) trả lại số tiền 1.400.000.000 đồng cho nguyên đơn (sau khi đối trừ số tiền 200.000.000 đồng) là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và cho rằng bị đơn không vay mượn tiền của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp, nhận thấy tại sao

kê tài khoản thể hiện anh [T](#) đã chuyển cho anh [P](#) số tiền 200.000.000 đồng với nội dung “*chuyển tiền cho anh P mượn*”, anh [P](#) cũng thừa nhận có nhận được 200.000.000 đồng do anh [T](#) chuyển. Do đó, yêu cầu của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm anh [P](#) đã rút một phần yêu cầu khởi kiện (đối với số tiền này). Mặt khác anh [P](#) chuyển cho anh [T](#) số tiền 1.600.000.000 đồng, việc này anh [T](#) cũng thừa nhận. Như vậy, sau khi đối trừ nghĩa vụ cho nhau, thì bị đơn anh [Đinh Xuân T](#), chị [Trương Thị L](#) phải trả cho anh [Trương Thanh P](#) số tiền còn lại là 1.400.000.000 đồng. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp, nhận.

[4] Từ những nhận định, đánh giá trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận; kháng cáo của bị đơn về việc bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[5] Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308; căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 166; Điều 117, Điều 118, Điều 119; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (anh [Trương Thanh P](#)), buộc vợ chồng anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#) phải có nghĩa vụ trả cho anh [Trương Thanh P](#) số tiền 1.400.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (vợ chồng anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#));

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn (anh [Trương Thanh P](#)) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 0001397 ngày 08/10/2024; bị đơn (vợ chồng anh [Đinh Xuân T](#) và chị [Trương Thị L](#)) phải chịu 54.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố đã nộp là 5.000.000 đồng và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh chị đã nộp tại [Chi cục thi hành án thành phố Đ](#) theo biên lai số 0001392 ngày 04/10/2024. Anh [T](#), chị [L](#) còn phải nộp thêm 49.000.000 đồng.

[Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án \(05/12/2024\).](#)

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Bố Trạch;
- CCTHADS Tp Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Dương